

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 462/2024/DS-PT

Ngày 11-9-2024

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản và
yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bình; bà Phạm Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Thoa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi, Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 280/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024, của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 374/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; cư trú tại: Số B, khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Ông Dư Văn D, sinh năm 1948; bà Dư Huỳnh Hải Đ, sinh năm 1982. Cùng cư trú tại: Số B, khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1950.

+ Bà Dư Huỳnh Dạ T, sinh năm 1980.

Cùng cư trú tại: Khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Du Thị T1, sinh năm 1953; cư trú tại: Ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Du Thị T2, sinh năm 1959; cư trú tại: Ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Du Thị T3, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Du Ngọc D1, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Du Thị T1, bà Du Thị T2, bà Du Thị T3, ông Du Ngọc D1: Bà Nguyễn Thị L, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15-4-2024.

+ Bà Võ Thị Ngọc C (C1), sinh năm 1943; cư trú tại: Khu phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Du Thị Ngọc T4, sinh năm 1974; cư trú tại: Khu phố A, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Du Thị T5, sinh năm 1979; không rõ địa chỉ.

+ Bà Du Thị H, sinh năm 1979; không rõ địa chỉ.

+ Bà Trần Hạnh N, sinh năm 1943; cư trú tại: Ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Du Văn T6, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Du Kim H1, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Du Quốc T7, sinh năm 1974; cư trú tại: Khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Du Hồng H2, sinh năm 1977; cư trú tại: Khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Du Quốc K, sinh năm 1970.

+ Bà Du Kim H3, sinh năm 1972.

Cùng cư trú tại: Ấp P, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Du Thị Ngọc T4, bà Trần Hạnh N, ông Du Quốc K, bà Du Kim H3: Bà Nguyễn Thị L, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 07-3-2023.

+ Bà Du Kim X, sinh năm 1979; cư trú tại: F, ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966; cư trú tại: Khu phố G, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1975.

+ Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1973.

+ Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1978.

+ Bà Nguyễn Thị Thu H4, sinh năm 1983.

Cùng cư trú tại: Khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2; địa chỉ trụ sở: 2 C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần An B1, Giám đốc Phòng G1, Chi nhánh T8.

Bà Nguyễn Thị L, ông Dư Văn D, bà Dư Huỳnh Hải Đ có mặt tại phiên tòa.

Bà Dư Thị T5, bà Dư Thị H vắng mặt không lý do.

Các đương sự khác trong vụ án vắng mặt có ủy quyền hoặc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị L, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình tham gia tố tụng, bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Bà Dư Thị T1, bà Dư Thị T2, bà Dư Thị T3, ông Dư Ngọc D1, bà Dư Thị Ngọc T4, bà Trần Hạnh N, ông Dư Quốc K, bà Dư Kim H3, trình bày:

Ông ngoại bà là cụ Dư Văn S có 05 người con, gồm: Ông Dư Văn H5, đã chết vào năm 2021; ông Dư Văn Y, đã chết vào năm 2018; bà Dư Thị Ú là mẹ của bà, đã chết vào năm 1998; ông Dư Văn D; bà Dư Thị L1, đã chết vào năm 2022, không có chồng con. Bà ngoại bà đã chết từ rất lâu.

+ Người thừa kế của ông Dư Văn H5, gồm:

Người vợ thứ nhất của ông H5 là Mai Thị L2, đã chết vào năm 2007, ông H5 và bà L2 có 05 người con, gồm: Bà Dư Thị T1; bà Dư Thị T2; bà Dư Thị T3; ông Dư Văn D2, đã chết, không có vợ con; ông Dư Ngọc D1.

Người vợ thứ hai của ông H5 là bà Võ Thị Ngọc C, ông H5 và bà C có 03 người con, gồm: Bà Dư Thị Ngọc T4; bà Dư Thị T5; bà Dư Thị H.

+ Người thừa kế của ông Dư Văn Y, gồm: Vợ là bà Trần Hạnh N, có 07 người con, gồm: Ông Dư Văn T6; bà Dư Kim H1; ông Dư Quốc T7; ông Dư Hồng H2; ông Dư Quốc K; bà Dư Kim H3; bà Dư Kim X.

+ Người thừa kế của mẹ bà là Dư Thị Ú, gồm: Cha bà là ông Nguyễn Văn Đ1, đã chết vào năm 2012; cha mẹ bà có 06 người con, gồm: Bà Nguyễn Thị B; bà là Nguyễn Thị L; bà Nguyễn Thị C2; ông Nguyễn Văn N1; ông Nguyễn Văn G; bà Nguyễn Thị Thu H4.

Chị ruột của ông ngoại bà là cụ Vi Thị Y1 không có chồng con, khi chết có để lại khoảng 10.000 m² đất tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 21-3-1996, Tông chi lập Tờ thuận phân, nội dung phân chia đất của cụ Y1 để lại, ông ngoại bà là cụ Dư Văn S được hưởng 3.518 m². Thống nhất phân

chia phần 3.518 m² cụ S được hưởng cho các con cụ S, như sau: Phần của ông Dư Văn H5, ông Dư Văn Y, bà Dư Thị L1 mỗi người bằng nhau 102,48 m²; phần của mẹ bà là Dư Thị Ú 280 m²; để phân hương quả dùng vào việc thờ cúng 336 m², giao cho ông Dư Văn D quản lý; diện tích còn lại chia cho ông Dư Văn D.

Vào năm 2007, phát hiện ông D kê khai đăng ký đứng tên phần đất thờ cúng nên vào ngày 06-8-2007 gia đình bà nộp đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn T (nay là phường T) giải quyết, yêu cầu ông D tách phần đất thờ cúng ra khỏi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D. Qua hòa giải, các bên thống nhất vẫn giao phần đất thờ cúng cho ông D tiếp tục quản lý, sử dụng và ông D phải cam kết không được chuyển nhượng, nếu chuyển nhượng thì phải được sự đồng ý của Tông chi.

Ông D không thực hiện cam kết mà làm thủ tục tặng cho con gái là bà Dư Huỳnh Dạ T sau đó là bà Dư Huỳnh Hải Đ, hiện bà Dư Huỳnh Hải Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D, trong đó có diện tích đất thờ cúng.

Theo Đơn khởi kiện ngày 28-6-2022, bà yêu cầu ông Dư Văn D, bà Dư Huỳnh Hải Đ trả lại phần đất hương quả để thờ cúng ông bà.

Ngày 03-01-2023 bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Đ giao trả phần đất thờ cúng và chia thừa kế theo pháp luật; bà Dư Thị Ngọc T4, bà Trần Hạnh N do bà đại diện theo ủy quyền cũng yêu cầu chia thừa kế phần đất hương quả diện tích 330,7 m², trong thửa 153, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại: Khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, bà Dư Huỳnh Hải Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bị đơn, ông Dư Văn D trình bày:

Về người thừa kế và về nguồn gốc đất như bà L trình bày là đúng.

Riêng phần đất hương quả, những người thừa kế đã thống nhất giao cho ông được trọn quyền sử dụng theo Tờ thuận phân ngày 21-3-1996, có ông H5, ông Y, bà L1, chồng và con của bà Ú là ông Đ1, bà L cùng ký tên, có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn T. Ông đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông thực hiện đúng nghĩa vụ thờ cúng và nộp thuế đất cho Nhà nước.

Trong phiên hòa giải ngày 06-8-2007, tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, ông không đồng ý phân chia phần đất hương quả, ông không cam kết là không chuyển nhượng phần đất hương quả như bà L trình bày nhưng thực tế ông không có ý định chuyển nhượng.

Việc tặng cho con gái đất là vì ông đã lớn tuổi nên giao cho con sử dụng và cúng giỗ ông bà, không giao riêng phần đất hương quả mà giao toàn bộ diện tích đất ông có.

Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, không chia thừa kế và không hủy hợp đồng tặng cho đất cho Dư Huỳnh Hải Đ.

- Bị đơn, bà Dư Huỳnh Hải Đ trình bày:

Phần đất bà L tranh chấp là đất hương quả, Tờ thuận phân ngày 21-3-1996 có ghi rõ là giao cho cha bà là ông Dư Văn D được trọn quyền sử dụng, việc ông D tặng cho bà là đúng quy định pháp luật, do ông D đã lớn tuổi nên giao lại cho bà tiếp tục gìn giữ thờ cúng, bà không có ý định chuyển nhượng cho người khác, vẫn đứng tên chung với đất của ông D tặng cho bà.

Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2, Chi nhánh T8, Phòng giao dịch huyện G từ năm 2020 cho đến nay, bà thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Bà không chấp nhận chia thừa kế và hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất như bà L yêu cầu.

Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà L thì yêu cầu bồi thường các cây trồng trên đất cho bà theo giá Hội đồng định giá đã định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Huỳnh Thị M trình bày:

Bà là vợ của ông D, thống nhất theo ý kiến của ông D.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Dư Huỳnh Dạ T trình bày:

Bà là con của ông D, hiện bà không đứng tên phần đất hương quả mà bà L đang tranh chấp, bà thống nhất theo ý kiến ông D.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị C2, ông Nguyễn Văn N1, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị Thu H4 trình bày:

Các ông, bà là con của bà Dư Thị Ú và ông Nguyễn Văn Đ1; không yêu cầu chia thừa kế phần đất hương quả, nếu Tòa án chia thì nhường thừa kế cho bà L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Võ Thị Ngọc C (C) trình bày:

Bà là vợ của ông Dư Văn H5; không yêu cầu hưởng phần thừa kế của ông H5 được chia, nếu Tòa án chia phần cho ông H5 thì bà giao cho bà Dư Thị Ngọc T4 hưởng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Dư Văn T6, bà Dư Kim H1, ông Dư Quốc T7, ông Dư Hồng H2, bà Dư Kim X trình bày:

Các ông, bà là con của ông Dư Văn Y và bà Trần Hạnh N; không yêu cầu chia thừa kế phần đất hương quả, nếu Tòa án chia thì giao cho bà Trần Hạnh N hưởng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ngân hàng N2, có văn bản trình bày:

Bà Dư Huỳnh Hải Đ đã thế chấp quyền sử dụng đất thửa 153, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại: Khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh để vay 500.000.000 đồng, hiện dư nợ 124.700.000 đồng tiền vay gốc, chưa đến hạn thanh toán, bà Đ không vi phạm nghĩa vụ bên vay nên Ngân hàng không yêu cầu giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dư Thị T5 và bà Dư Thị H:

Là con ruột của ông Dư Văn H5 và bà Võ Thị Ngọc C, đã kết hôn với người nước ngoài và định cư ở nước ngoài hơn 20 năm nay, các bên đương sự không

cung cấp được địa chỉ cụ thể của bà T5 và bà H nên Tòa án không thu thập được lời khai, tài liệu, chứng cứ.

- Đất tranh chấp có diện tích thực tế 330,7 m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN), thuộc một phần thửa 153, tờ bản đồ số 27, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CS06369 ngày 08-8-2017, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp, bà Du Huỳnh Hải Đ đứng tên. Thửa 153 có tổng diện tích 1.012,2 m², bà Đ thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2, Chi nhánh T8, Phòng G1, theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0410/2020/718-CV ngày 04-12-2020, vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 60 tháng (05 năm), tính đến tháng 11 năm 2023 tiền vay gốc còn nợ 124.700.000 đồng, tiền vay gốc và tiền lãi bà Đ trả đúng theo hợp đồng.

- Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024, của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, bà Du Thị Ngọc T4, bà Trần Hạnh N đối với ông Du Văn D, bà Du Huỳnh Hải Đ về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất và hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Du Văn D, bà Huỳnh Thị M và bà Du Huỳnh Hải Đ, đối với 330,7 m² đất trong thửa 153, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại: Khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 3.700.000 (ba triệu bảy trăm nghìn) đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp, ghi nhận đã nộp xong.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào 2.500.000 đồng và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả cho bà L 2.200.000 (hai triệu hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Du Thị Ngọc T4 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp. Hoàn trả cho bà T4 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bà Trần Hạnh N là người cao tuổi, được miễn.

Ông Du Quốc K, bà Du Kim H3 không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông K, bà H3 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

- Vào ngày 30-7-2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa

ông Dư Văn D và bà Dư Huỳnh Hải Đ, đối với 330,7 m² thuộc một phần thửa số 153, tờ bản đồ số 27, là đất hương quả.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Bà Dư Thị T1, bà Dư Thị T2, bà Dư Thị T3, ông Dư Ngọc D1, bà Dư Thị Ngọc T4, bà Trần Hạnh N, ông Dư Quốc K, bà Dư Kim H3; ông Dư Văn D, bà Dư Huỳnh Hải Đ là bị đơn, đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận cụ thể như sau:

Thông nhất phần đất 330,7 m², thuộc một phần thửa 153, tờ bản đồ số 27, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CS06369 ngày 08-8-2017, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp, bà Dư Huỳnh Hải Đ đứng tên, là di sản của cụ Dư Văn S để lại, dùng vào việc thờ cúng, có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ghi tựa đề là “Kết quả đo đạc áp lên bản đồ địa chính” kèm theo bản án.

Thửa 153 có tổng diện tích là 1.012,2 m², bà Đ thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2, Chi nhánh T8, Phòng G1 vay số tiền 500.000.000 đồng, theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0410/2020/718-CV ngày 04-12-2020, thời hạn trả nợ 60 tháng (05 năm), tính đến tháng 11 năm 2023 tiền vay gốc còn nợ 124.700.000 đồng, bà Đ phải trả nợ Ngân hàng đúng hạn để điều chỉnh phần 330,7 m² đất nêu trên là di sản dùng vào việc thờ cúng. Bà Đ không được thực hiện bất kỳ giao dịch gì đối với 330,7 m² đất nêu trên khi chưa có sự đồng ý của các đồng thừa kế của cụ Dư Văn S.

- Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024, của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L trong thời hạn và hợp lệ theo quy định tại các Điều: 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Dư Thị T5, bà Dư Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do không tìm được địa chỉ nên Tòa án căn cứ vào Án lệ số 06/2016/AL, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016, được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016, của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, xét xử vắng mặt bà T5, bà H.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt nhưng có ủy quyền hoặc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Bà Dư Thị T1, bà Dư Thị T2, bà Dư Thị T3, ông Dư Ngọc D1, bà Dư Thị Ngọc T4, bà Trần Hạnh N, ông Dư Quốc K, bà Dư Kim H3; ông Dư Văn D là bị đơn; bà Dư Huỳnh Hải Đ là bị đơn, đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự vắng mặt. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Do các đương sự không thỏa thuận về án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại án phí sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể như sau:

Bà Dư Huỳnh Hải Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm đối với yêu cầu xác định di sản dùng vào việc thờ cúng của bà L được thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm.

Các đương sự khác trong vụ án không phải chịu án phí sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo là bà Nguyễn Thị L phải

chiều 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 645 của Bộ luật Dân sự; Án lệ số 06/2016/AL, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016, được công bố theo HYPERLINK "<http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tu-tuc-To-tung/Quyết-dinh-220-QĐ-CA-cong-bo-an-le-2016-310639.aspx>" \t "_blank" Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016, của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 27, khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024, của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: Bà Dư Thị T1, bà Dư Thị T2, bà Dư Thị T3, ông Dư Ngọc D1, bà Dư Thị Ngọc T4, bà Trần Hạnh N, ông Dư Quốc K, bà Dư Kim H3; ông Dư Văn D là bị đơn; bà Dư Huỳnh Hải Đ là bị đơn, tại phiên tòa phúc thẩm. Sự thỏa thuận cụ thể như sau:

Phần đất 330,7 m², thuộc một phần thửa 153, tờ bản đồ số 27, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CS06369 ngày 08-8-2017, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp, bà Dư Huỳnh Hải Đ đứng tên, tọa lạc tại: Khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh là di sản của cụ Dư Văn S để lại dùng vào việc thờ cúng, có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ghi tựa đề là “Kết quả đo đạc áp lên bản đồ địa chính” kèm theo bản án.

Bà Dư Huỳnh Hải Đ phải trả tất nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2, Chi nhánh T8, Phòng G1 theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0410/2020/718-CV ngày 04-12-2020 để thực hiện thủ tục điều chỉnh phần 330,7 m² đất nêu trên là di sản dùng vào việc thờ cúng, đất bà Dư Huỳnh Hải Đ đang quản lý. Bà Đ không được thực hiện bất kỳ giao dịch gì đối với 330,7 m² đất nêu trên khi chưa có sự đồng ý của các đồng thừa kế của cụ Dư Văn S.

- Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ

cấp GCN CS06369 ngày 08-8-2017, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp, bà Du Huỳnh Hải Đ đứng tên để điều chỉnh phần 330,7 m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN), thuộc một phần thửa 153, tờ bản đồ số 27, là di sản của cụ Du Văn S để lại dùng vào việc thờ cúng.

- Về chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 3.700.000 (ba triệu bảy trăm nghìn) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp. Ghi nhận đã nộp xong.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Du Huỳnh Hải Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

+ Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0026844 ngày 25-10-2022 và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0015279 ngày 22-02-2024, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

+ Hoàn trả cho bà Du Thị Ngọc T4 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0027091 ngày 07-3-2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Hoàn trả cho ông Du Quốc K, bà Du Kim H3 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0027092 ngày 07-3-2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0015638 ngày 03-7-2024, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TTN;
- TAND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng ;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Đồng